

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2019.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lâm Thị Tám.

2. Ông Lương Minh Suốt.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Phương Th, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Số 036, khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Đặng Thanh T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Con chung từ đủ 07 tuổi trở lên: Cháu Đặng Võ Đăng K, sinh ngày 03/3/2008 (có mặt).

Địa chỉ: Số 036, khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 12/11/2018, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Võ Thị Phương Th trình bày: Vào năm 2007 bà và ông Đặng Thanh T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, bà làm dâu, vợ chồng sinh sống với cha mẹ chồng tại xã N, huyện M. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng thời gian về sau vợ chồng không đồng quan điểm, không hợp tính tình nên đã xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến ngày 30/12/2013 thì bà Th về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Từ năm 2013 bà và ông T không còn chung sống,

không còn liên lạc với nhau đến nay. Bà Th xác định bà và ông T không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Thanh T.

Về con chung: Bà Võ Thị Phương Th và ông Đặng Thanh T có một người con chung tên Đặng Võ Đăng K, sinh ngày 03/3/2008 hiện nay đang sống với bà Th. Bà Th yêu cầu được quyền nuôi con. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Đặng Thanh T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Đặng Thanh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Tùng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông T cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- *Tại phiên tòa, con chung là cháu Đặng Võ Đăng K trình bày:* Khi cha, mẹ cháu là bà Võ Thị Phương Th và ông Đặng Thanh T ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Đặng Thanh T đã được cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đặng Thanh T.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 1, Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Phương Th; Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Phương Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đặng Võ Đăng K, sinh ngày 03/3/2008 đến tuổi trưởng thành; Ông Đặng Thanh T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Bị đơn, ông Đặng Thanh T đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai, nhưng ông T vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Đặng Thanh T.

Về nội dung:

[1] Vụ kiện của bà Võ Thị Phương Th và ông Đặng Thanh T là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bà Võ Thị Phương Th và ông Đặng Thanh T kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Phương Th và ông Đặng Thanh T là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà Th giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T, vì kể từ ngày 30/3/2013 đến nay bà và ông T không còn sống chung, không còn quan tâm nhau, bà không còn tình cảm với ông T, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa Võ Thị Phương Th và ông Đặng Thanh T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Phương Th.

[2] Về con chung: Bà Võ Thị Phương Th và ông Đặng Thanh T có một người con tên Đặng Võ Đăng K, sinh ngày 03/3/2008 hiện nay con chung đang sống với bà Th. Bà Th yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, kể từ năm 2013 thì bà Thủy và ông Tùng không còn chung sống với nhau, cháu K do bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay và tại bản tự khai ngày 25/12/2018 (BL 14) cũng như tại phiên tòa, cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ. Nguyện vọng của cháu K là hợp lý và chính đáng nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình giao cho bà Võ Thị Phương Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đặng Võ Đăng K (theo nguyện vọng của cháu K) đến tuổi trưởng thành.

[3] Ông Đặng Thanh T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Phương Th là người trực tiếp nuôi con, nhưng bà Th cho rằng đủ khả năng để nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận ý kiến của bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Võ Thị Phương Th trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị Phương Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng

dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Vấn đề Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Phương Th được quyền ly hôn với ông Đặng Thanh T.

[2] Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Phương Th được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đặng Võ Đăng K, sinh ngày 03/3/2008 đến tuổi trưởng thành.

[3] Ông Đặng Thanh T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Phương Th không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Võ Thị Phương Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005279 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà Th đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- (Trích lục số 56/TLKH-BS,
ngày 15/8/2016 (đăng ký kết hôn
số 13 ngày 20/4/2007);
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ